TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩmphán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Hữu Thiện.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sởTòa án nhân dân Huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15-5-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Y**, sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Tổ 14 ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 12, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 06-8-2014 tại UBND xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không chung thủy có quan hệ tình cảm với người phụ khác. Chị đã nhiều lần tha thứ cho anh T để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh T không sửa đổi. Ngoài ra, anh T còn không quan tâm chăm sóc gia đình và nuôi dạy con, không phụ giúp chị về kinh tế, thường bỏ nhà đi chơi cá độ đá gà. Sau khi chị sinh con hai bên phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn nên vào tháng 01/2016 chị về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Từ khi hai bên không còn chung sống đến nay, anh T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không đến thăm nom con. Trước đây vào năm 2017 chị và anh T có thống nhất đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn nêu trên nên trên thực tế từ thời điểm năm 2017 đến nay hai bên vẫn không cùng chung sống với nhau. Nay chị nhận thấy hai bên không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là M, sinh ngày 01-10-2016. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con do anh T không có việc làm ổn định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Anh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Y; ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Chị Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng, được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Chị Y, anh T tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, chị Y, anh T thường xảy ra mâu thuẫn do anh T mê cá độ đá gà, không phụ giúp chị Y kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con; ngoài ra anh T còn có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai bên đã từng thống nhất đoàn tụ vào năm 2017 nhưng đến nay các mâu thuẫn giữa chị Y, anh T vẫn không thể giải quyết. Nay chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn, anh T cũng không tham gia tố tụng để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm, không có thiện chí đoàn tụ với chị Y. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Y, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung là M, sinh ngày 01-10-2016. Chị Y được tiếp tục nuôi con chung M. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐ-ST: Chị Y phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị Y đối với anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là M, sinh ngày 01-10-2016. Chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung M. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011411 ngày 19-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

4. Chị Y được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tạ Thị Hạ